

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: 101/KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Công điện số 06/CĐ-TTg ngày 24/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026;

Căn cứ Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 19/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Kết luận số 199-KL/TW ngày 10/10/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2025 - 2026 và Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 2 con số trong giai đoạn tới và tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

Căn cứ Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tỉnh Tuyên Quang;

Triển khai Chương trình hành động số 22/CTr-UBND ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Chỉ thị số 202/CT-UBND ngày 30/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2026, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; xác định tăng trưởng kinh tế là nhiệm vụ chính trị trung tâm của năm 2026. Trên cơ sở đó, xây dựng và tổ chức thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, khả thi, hiệu quả; tập trung tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc của các ngành, lĩnh vực và các dự án đầu tư; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án mới nhằm kiến tạo không gian, động lực phát triển mới của tỉnh.

- Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2026 đạt mức hai con số, phấn đấu đạt 10,17% (*bằng mục tiêu Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026*), tạo nền tảng vững chắc để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

2. Yêu cầu

- Việc xây dựng Kế hoạch phải bám sát các chủ trương, định hướng, văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm tổ chức thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả theo phương châm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả tăng trưởng của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả theo yêu cầu đề ra.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2026

1. Mục tiêu tăng trưởng

GRDP (theo giá so sánh) năm 2026 tăng 10,17% so với cùng kỳ, gồm: Khu vực I, tăng 5,58%; Khu vực II, tăng 14,87% (trong đó: Công nghiệp, tăng 15,68%); Khu vực III, tăng 10,5% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm, tăng 6,58%. Cụ thể từng quý như sau:

- Quý I/2026: GRDP (theo giá so sánh) tăng 9,51% so với cùng kỳ, gồm: Khu vực I, tăng 4,73%; Khu vực II, tăng 12,2% (*trong đó: Công nghiệp, tăng 11,72%*); Khu vực III, tăng 10,43% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm, tăng 6,87%.

- Quý II/2026: GRDP (theo giá so sánh) tăng 10,14% so với cùng kỳ, gồm: Khu vực I, tăng 6,18%; Khu vực II, tăng 14,98% (*trong đó: Công nghiệp, tăng 15,74%*); Khu vực III, tăng 10,45% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm, tăng 6,21%.

Lũy kế GRDP (theo giá so sánh) 6 tháng đầu năm 2026, tăng 9,86% so với cùng kỳ, gồm: Khu vực I, tăng 5,65%; Khu vực II, tăng 13,72% (*trong đó: Công nghiệp, tăng 13,93%*); Khu vực III, tăng 10,44% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm, tăng 6,54%.

- Quý III/2026: GRDP (theo giá so sánh), tăng 10,64% so với cùng kỳ, gồm: Khu vực I, tăng 5,58%; Khu vực II, tăng 14,86% (*trong đó: Công nghiệp, tăng 16,23%*); Khu vực III, tăng 10,4% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm, tăng 6,34%.

Lũy kế GRDP (theo giá so sánh) 9 tháng đầu năm 2026, tăng 10,14% so với cùng kỳ, gồm: Khu vực I, tăng 5,63%; Khu vực II, tăng 14,2% (*trong đó: Công nghiệp, tăng 14,92%*); Khu vực III, tăng 10,43% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm, tăng 6,47%.

- Quý IV/2026: GRDP (theo giá so sánh), tăng 10,24% so với cùng kỳ, gồm: Khu vực I, tăng 5,50%; Khu vực II, tăng 16,49% (*trong đó: Công nghiệp, tăng 17,65%*); Khu vực III, tăng 10,69% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm, tăng 6,86%.

(Chi tiết có phụ lục 01, phụ lục 02 kèm theo)

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm

- Các cấp, các ngành chủ động, quyết liệt tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhóm nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra; tập trung huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Triển khai Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh).

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là các công trình giao thông quan trọng, có tính liên kết vùng, nhất là tuyến đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang và các tuyến giao thông kết nối.

- Thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế chủ lực; chú trọng phát triển công nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, thân thiện với môi trường; phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ; phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, xanh, đặc trưng và bền vững, sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh; tăng cường cải cách hành chính, nâng cao chất lượng thực thi công vụ; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển.

3. Nhiệm vụ cụ thể theo từng nhóm ngành

3.1. Nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (Khu vực I)

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, tập trung hình thành các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Tổ chức sản xuất theo đúng khung thời vụ, cơ cấu giống; đẩy mạnh thâm canh, chăm sóc, phòng chống dịch bệnh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp điều kiện từng vùng; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật

nhằm nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích. Đồng thời duy trì, mở rộng diện tích các cây trồng chủ lực, đặc sản theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ.

- Phát triển mạnh các sản phẩm đặc trưng theo chuỗi giá trị, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ. Chú trọng xây dựng, quảng bá và bảo vệ thương hiệu, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh cho các sản phẩm chủ lực như chè Shan tuyết, bưởi, cam sành, mật ong bạc hà, bò vàng, lợn đen, các loại cá đặc sản,....

- Mở rộng mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ; triển khai hiệu quả Chương trình OCOP năm 2026; rà soát, chứng nhận lại các sản phẩm hết hạn và nâng cao thứ hạng các sản phẩm tiềm năng. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp tiêu thụ nông sản, góp phần tạo đầu ra ổn định, bền vững cho nông dân.

- Triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn gắn với chế biến, an toàn thực phẩm; khuyến khích phát triển giống bản địa chất lượng cao kết hợp du lịch. Công tác phòng chống dịch bệnh được tăng cường, kiểm soát chặt chẽ các bệnh nguy hiểm như dịch tả lợn châu Phi, cúm gia cầm; hỗ trợ xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh theo hướng VietGAHP, an toàn sinh học. Tăng chú trọng quản lý chất lượng giống vật nuôi, giống thủy sản; phát triển nuôi cá đặc sản, nuôi trồng thủy sản hàng hóa bằng lồng, bè trên hồ thủy điện; mở rộng mô hình VietGAP và ứng dụng công nghệ trong nuôi thâm canh, bán thâm canh.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; phê duyệt điều chỉnh Đề án “*Xây dựng Tuyên Quang trở thành Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Trung tâm sản xuất, chế biến gỗ*”. Tập trung nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng rừng. Quản lý, duy trì, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng tự nhiên hiện có; khuyến khích phát triển được liệu dưới tán rừng, trồng cây tại khu vực biên giới; đẩy mạnh chế biến gỗ xuất khẩu gắn với vùng nguyên liệu bền vững, chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết cho việc tham gia thị trường các-bon rừng khi có đầy đủ cơ sở pháp lý, nghiên cứu thúc đẩy việc tham gia thị trường tín chỉ các - bon rừng theo quy định.

3.2. Nhóm ngành công nghiệp - xây dựng (Khu vực II)

3.2.1. Nhóm ngành công nghiệp

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Chú trọng theo dõi, nắm chắc tình hình sản xuất của các doanh nghiệp công nghiệp; kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thị trường, vốn, nguyên liệu, tạo điều kiện để doanh nghiệp phát huy công suất, duy trì ổn định

sản xuất, phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp theo kế hoạch, cụ thể:

+ Ngành công nghiệp khai khoáng: Theo dõi tiến độ, đơn đốc hoàn thành đi vào hoạt động dự án mỏ sắt Nam Lương với công suất 150.000 tấn sản phẩm/năm.

+ Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tập trung đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa vào hoạt động các dự án mới quy mô lớn, có đóng góp trực tiếp cho GRDP và thu ngân sách của tỉnh như: Nhà máy sản xuất gỗ huyện Yên Sơn của Công ty cổ phần đầu tư Thành Vinh Tuyên Quang; Nhà máy may công nghệ cao Tuyên Quang LGG 3 của Công ty cổ phần Tổng công ty may Tuyên Quang LGG; Nhà máy sản xuất bao bì nhựa Đức Hùng tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương của Công ty cổ phần cơ khí thương mại Đức Hùng...

+ Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước: Triển khai hiệu quả Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030. Theo dõi tiến độ, đơn đốc hoàn thành đi vào hoạt động 04 dự án thủy điện với tổng công suất 139,1 MW dự kiến hoàn thành năm 2026: Thủy điện Yên Sơn, công suất 90 MW; Thủy điện Sông Lô 5, công suất 29,7 MW; Thủy điện Nậm Má 1, công suất 7,4 MW; Thủy điện Nậm Lang, công suất 12 MW.

+ Ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải: Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định như các năm.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thành lập và xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; kêu gọi các doanh nghiệp có năng lực tham gia đầu tư, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật. Đơn đốc các chủ đầu tư sớm hoàn thiện hạ tầng tại các cụm công nghiệp Ninh Lai - Thiện Kế, An Hòa - Long Bình An, Xuân Vân, Phúc Ứng 2, Phúc Ứng 3, Nhữ Khê, Trung Môn và các cụm công nghiệp mới, tạo quỹ đất sạch thu hút dự án, góp phần hình thành các chuỗi sản xuất công nghiệp tập trung, đồng bộ.

- Theo dõi tiến độ các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ngành Công Thương quản lý; kịp thời tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án; phấn đấu hoàn thành, đưa vào hoạt động các dự án khai thác khoáng sản, thủy điện, chế biến chế tạo và xăng dầu theo đúng tiến độ.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

Theo dõi, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện 28 dự án đầu tư ngoài ngân sách (*Gồm: Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và chăn nuôi: 03 dự án; lĩnh vực khai thác khoáng sản: 8 dự án; lĩnh vực thủy điện: 05 dự án; lĩnh vực du lịch - dịch vụ: 02 dự án; lĩnh vực sản xuất chế biến, kinh doanh: 04 dự án; lĩnh vực xăng dầu: 03 dự án; lĩnh vực xây dựng, hạ tầng kỹ thuật: 02 dự án; lĩnh vực đô thị: 01 dự án*)¹ dự kiến hoàn thành, đi vào hoạt động trong năm 2026; kịp thời

¹ Cụ thể: (1) Nhà máy chế biến các sản phẩm chè chất lượng cao; (2) Nhà máy sản xuất gỗ huyện Yên Sơn; (3) Cơ sở thu mua, chế biến nông sản và dịch vụ nông nghiệp; (4) Đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ quặng Mangan; (5) Dự án đầu tư khai thác mỏ sắt Minh Lập-Pù Ngóm; (6) Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi

tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án; phân đầu hoàn thành, đưa vào hoạt động theo đúng tiến độ.

c) Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tăng cường thực hiện công tác xúc tiến và thu hút dự án đầu tư vào các khu công nghiệp. Tăng cường thực hiện công tác quản lý giám sát dự án đầu tư sau cấp phép, đôn đốc dự án triển khai đúng tiến độ, đúng Giấy phép xây dựng được cấp, chấp hành quy định của pháp luật; đánh giá hiệu quả đầu tư, sử dụng đất của các dự án; kiên quyết xử lý những dự án vi phạm hành chính; xem xét thu hồi các dự án chậm tiến độ không có năng lực thực hiện; nâng cao hiệu quả đầu tư sử dụng đất trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Tiếp tục tham mưu thực hiện việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Long Bình An; triển khai thực hiện lập quy hoạch khu công nghiệp Tam Đa; tổ chức làm việc với các doanh nghiệp đầu tư tại Khu công nghiệp Long Bình An và Khu công nghiệp Sơn Nam để nắm bắt tình hình và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

3.2.2. Nhóm ngành xây dựng

a) Các sở, ngành, đơn vị, các chủ đầu tư và UBND các xã, phường:

- Chủ động đẩy mạnh triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện vốn đầu tư phát triển từ các nguồn trong và ngoài ngân sách nhà nước. Tập trung thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công, các Chương trình mục tiêu quốc gia; phân đầu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 đạt 100% kế hoạch được giao (*bao gồm cả phần vốn thuộc kế hoạch năm 2025 được phép kéo dài sang năm 2026*).

- Chỉ đạo các chủ đầu tư, địa phương và đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư; kiên quyết điều chuyển vốn từ các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân cao; đồng thời rà soát, xử lý dứt điểm các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, di dời hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm bàn giao mặt bằng sạch cho nhà thầu thi công.

- Tăng cường kiểm tra hiện trường, bám sát tiến độ triển khai các dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến giải phóng mặt bằng, nguồn vật liệu xây dựng và thủ tục đầu tư. Chỉ đạo các ngành chức năng thường xuyên

lòng Suối Má; (7) Khai thác mở rộng mỏ đá vôi đội 1, tổ dân phố An Định; (8) Khai thác mỏ Caolanh feldspat thôn Phú Đa và thôn Đồng Phú; (9) Khai thác mỏ đá vôi An Định; (10) Đầu tư xưởng tuyển quặng thiếc tại thôn 4, Mỏ Nghiêu; (11) Khai thác đá và đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến vật liệu xây dựng Phúc Ninh; (12) Dự án Thủy điện Sông Chảy 1; (13) Thủy điện Nậm Má 1; (14) Dự án thủy điện Sông Lô 5; (15) Thủy điện Hùng Lợi 3; (16) Nhà máy thủy điện Yên Sơn; (17) Khu PaPiu - Lũng Hồ 2; (18) Khu dịch vụ đô thị Tuyên Quang Xanh; (19) Xây dựng mở rộng bến thủy nội địa kết hợp đầu tư dây chuyền nghiền sỏi thành cát và sản xuất gạch không nung, sản xuất sản phẩm bê tông; (20) Đầu tư xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất bê tông nhựa, bê tông xi măng, sản xuất gạch không nung; (21) Nhà máy may công nghệ cao Tuyên Quang LGG 3; (22) Nhà máy sản xuất bao bì nhựa Đức Hùng; (23) Cửa hàng xăng dầu Xín Cái; (24) Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tân Nam; (25) Cửa hàng xăng dầu, trạm sạc điện nhanh Phú Thành số 2 và tổ hợp dịch vụ thương mại; (26) Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Bản Cườm; (27) Đường dây và trạm biếp áp 110kV Thanh Thủy; (28) Khu phát triển nhà ở đô thị Tuyên Quang.

giám sát, đơn đốc nhà thầu thực hiện nghiêm túc các quy trình và quy định của pháp luật về xây dựng cơ bản, bảo đảm chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công, gắn với yêu cầu an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định dự án; chống đầu tư dàn trải, tập trung nguồn lực cho các công trình hạ tầng có tính lan tỏa, khả năng kết nối vùng và thúc đẩy thu hút đầu tư. Linh hoạt điều chỉnh tiến độ, biện pháp thi công; huy động tối đa nhân lực, thiết bị, tổ chức tăng ca, tăng kíp để hoàn thành các hạng mục theo tiến độ chung, phân đấu bàn giao và đưa công trình vào sử dụng đúng thời hạn.

- Ưu tiên nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng trọng điểm, trong đó gồm: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, đoạn qua tỉnh Tuyên Quang; Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy; cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng từ xã Tân Trào đến xã Trung Yên (nay là xã Tân Trào),...

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Chỉ đạo, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư; kịp thời phối hợp với các sở, ngành, các chủ đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thi công, nhất là các công trình, dự án trọng điểm, các dự án đầu tư công có yêu cầu tiến độ cao theo kế hoạch được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi sát tình hình, diễn biến thị trường vật liệu xây dựng, đặc biệt là các vật liệu chủ yếu, kịp thời báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc đảm bảo cung cầu, kiểm soát giá vật liệu xây dựng đảm bảo theo đúng quy định; kịp thời cập nhật, công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo quy định, tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, quản lý chặt chẽ giá vật liệu xây dựng.

- Tập trung đơn đốc các chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội thuộc Khu phát triển nhà ở đô thị Tuyên Quang, phường Tân Hà; dự án Khu dân cư Tân Phát, phường Minh Xuân; dự án Khu nhà ở xã hội thuộc Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường An Tường; đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng sớm hoàn thành đưa vào sử dụng theo đúng tiến độ được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Chủ động theo dõi, nắm chắc tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 (bao gồm kế hoạch vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2025 sang năm 2026), của từng nhiệm vụ, dự án; kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền, đề xuất các giải pháp điều hành kế hoạch đầu tư công. Đơn đốc các chủ đầu tư tập trung nhân lực, thiết bị, tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi để tổ

chức thi công, đẩy nhanh tiến độ và giải ngân vốn đầu tư công; phấn đấu năm 2026 giải ngân vốn đầu tư công đạt 100% kế hoạch được giao.

- Đơn đốc các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành trong năm 2025; thực hiện kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định việc thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình, dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, không để tồn đọng khối lượng đã thực hiện nhưng chưa được thanh toán, gây ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả đầu tư.

d) Các Sở, ngành tỉnh

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, tham mưu phân bổ kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm và hàng năm theo quy định; tổng hợp, tham mưu điều chỉnh vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh; theo dõi, tổng hợp tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia. Hướng dẫn, đơn đốc, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tại các xã, phường; kịp thời tổng hợp, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm bảo đảm tiến độ và hiệu quả thực hiện chương trình.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng Kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026, bảo đảm bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao; xây dựng tiêu chí, định mức phân bổ vốn; tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đúng tiến độ các Chương trình trong phạm vi quản lý; chủ động xem xét giải quyết khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, quy định; trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, chỉ đạo, để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện hợp phần thứ hai của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

đ) Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, cấp phép mỏ, khai thác nguyên vật liệu xây dựng (đá, cát, đất,...) phục vụ thi công các dự án đầu tư công và các dự án trọng điểm trên địa bàn theo thẩm quyền.

- Tổ chức triển khai toàn diện, hiệu quả các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia theo phân cấp. Tăng cường phối hợp với các sở, ngành liên quan trong quá trình thực hiện; bảo đảm quản lý, sử dụng các nguồn lực đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, thiết thực, tránh dàn trải, thất thoát, lãng phí.

e) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình số 01 tỉnh và các đơn vị liên quan: Tập trung mọi nguồn lực, thi công “3 ca 4 kíp”, rà soát kỹ khối lượng công việc, xây dựng biểu đồ tiến độ chi tiết đối với các dự án trọng điểm có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, như: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, phần đầu cơ bản hoàn thành Giai đoạn 1 trước ngày 19/5/2026; Bệnh viện Đa khoa tỉnh, phần đầu đưa công trình vào khai thác, sử dụng cuối năm 2026.

3.3. Nhóm ngành dịch vụ (Khu vực III)

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Phát triển thương mại hiện đại, chuyển đổi số: Đẩy mạnh phát triển thương mại theo hướng hiện đại, gắn với chuyển đổi số và phát triển thương mại điện tử; triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh. Triển khai hiệu quả Chương trình khuyến công giai đoạn 2026-2030, hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến; xây dựng, phát triển thương hiệu; cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm nông sản; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài tỉnh.

- Kích cầu tiêu dùng và mở rộng thị trường: Triển khai đồng bộ các giải pháp kích cầu tiêu dùng nội địa, thúc đẩy tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ. Tăng cường tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ, kết nối doanh nghiệp với hệ thống phân phối, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm địa phương, nhất là các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP.

- Phát triển thương mại điện tử và logistics: Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm; phát triển hệ thống logistics, kho bãi, vận chuyển hàng hóa gắn với các trung tâm, tuyến giao thông trọng điểm. Khai thác hiệu quả lợi thế hạ tầng giao thông mới, nhất là các tuyến cao tốc, nhằm giảm chi phí logistics, rút ngắn thời gian lưu thông hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Phát triển hạ tầng thương mại: Phối hợp, tham mưu đề xuất đầu tư, nâng cấp phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại, phát triển các chợ nông thôn tại những địa bàn có điều kiện.

- Quản lý thị trường - chống buôn lậu, gian lận thương mại: Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong quản lý hoạt động giao thương qua cửa khẩu; chú trọng công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng

giả, góp phần xây dựng môi trường thương mại lành mạnh, minh bạch và bền vững.

- Thúc đẩy thương mại biên giới: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai Kế hoạch về thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030. Tăng cường, hỗ trợ thông tin hội đàm với cơ quan đối đẳng phía Trung Quốc nhằm tạo điều kiện thúc đẩy xuất nhập khẩu và lưu thông hàng hóa.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Chủ trì tham mưu tổ chức triển khai hiệu quả các nghị quyết, kế hoạch, đề án phát triển du lịch của tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. Tăng cường theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển du lịch, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng khu vực dịch vụ; phấn đấu năm 2026 thu hút trên 4,1 triệu lượt khách du lịch.

- Tham mưu tổ chức lại không gian phát triển du lịch phù hợp gắn với rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch ngành, lĩnh vực theo định hướng tăng trưởng xanh, bền vững, dựa trên các trụ cột phát triển kinh tế của tỉnh, trong đó du lịch bản sắc, chất lượng cao là trụ cột quan trọng.

- Tham mưu định hướng phát triển, quản lý và khai thác hiệu quả các khu du lịch trọng điểm của tỉnh như Khu du lịch Tân Trào, Khu du lịch sinh thái Na Hang - Lâm Bình, Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong việc rà soát nhu cầu đầu tư, đề xuất danh mục hạ tầng phục vụ du lịch và lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời hướng dẫn nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại các khu, điểm du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Triển khai các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; khai thác hiệu quả các danh hiệu, thương hiệu du lịch trong nước và quốc tế nhằm nâng cao hình ảnh và sức cạnh tranh của du lịch tỉnh. Tăng cường liên kết vùng với Thủ đô Hà Nội, các tỉnh Trung du, miền Tây Nam Bộ và miền núi phía Bắc; mở rộng hợp tác quốc tế, đặc biệt với Vân Nam, Quảng Tây (Trung Quốc).

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Tiếp tục đơn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư: Dự án Khu công viên thể dục thể thao Mỹ Lâm; Dự án khu đô thị An Tường Riverside; Khu thương mại, dịch vụ Siêu thị GO; công trình Rạp Tháng 8,... nhất là các dự án của Tập đoàn Vingroup trên địa bàn tỉnh như: Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm - Tuyên Quang và Dự án Tổ hợp Khu thể dục thể thao & sân golf Mỹ Lâm - Tuyên Quang.

d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh khu vực 4:

- Triển khai kịp thời và đầy đủ các cơ chế, chính sách về tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, bảo đảm ổn định hoạt động tiền tệ, tín dụng trên địa bàn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn.

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực huy động vốn thông qua đa dạng hóa sản phẩm, áp dụng mức lãi suất linh hoạt, phù hợp; đúng định hướng điều hành lãi suất, tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; khai thác hiệu quả nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư và các tổ chức kinh tế - xã hội, tạo nguồn vốn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng tăng cường tín dụng an toàn, hiệu quả, tập trung hướng dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng, tiếp tục triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là cho vay nhà ở xã hội, đầu tư hạ tầng, công nghệ số, hỗ trợ liên kết sản xuất,...; kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tăng cường xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu mới phát sinh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng; tăng cường ứng dụng các giải pháp số hóa, phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; nâng cao hiệu quả cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng theo hướng đơn giản, tự động, thông minh; đồng thời triển khai hiệu quả Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; tiếp tục hợp nhất, hoàn thiện hạ tầng thông tin, hạ tầng số của tỉnh. Ưu tiên đầu tư mở rộng vùng phủ sóng di động, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, vùng trắng, lõm sóng; tăng cường phủ sóng 4G/5G. Vận hành ổn định hệ thống điều hành thông minh, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và trung tâm tích hợp dữ liệu; phát triển đồng bộ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số từ cấp tỉnh đến cơ sở. Triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác về chuyển đổi số giữa UBND tỉnh với các tập đoàn công nghệ, viễn thông.

- Huy động, thu hút hiệu quả các nguồn lực ngoài ngân sách để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ trên các lĩnh vực, nhất là ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong tạo giống, thâm canh, thu hoạch, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản chủ lực, đặc sản, có lợi thế của tỉnh, gắn với xây dựng, bảo hộ và phát triển nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, từng bước hình thành vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy mô lớn.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Thực hiện sắp xếp mạng lưới trường lớp theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và triển khai mô hình trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn; đẩy mạnh hướng nghiệp, đào tạo nghề và thực hiện lộ trình đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

g) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Chỉ đạo triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 18/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết 72-NQ/TW về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và kiện toàn hệ thống y tế theo hướng tinh gọn, hiệu quả; bảo đảm mỗi trạm y tế xã có từ 02 bác sĩ trở lên. Tăng cường hợp tác với các bệnh viện tuyến Trung ương, xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh trở thành Trung tâm khoa học, kỹ thuật y tế, chuyển giao công nghệ, đảm bảo chăm sóc sức khỏe nhân dân tuyến Đông Bắc. Đẩy mạnh ứng dụng số trong quản lý sức khỏe; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người dân.

h) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Đẩy mạnh hoạt động thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm; tăng cường giải pháp kết nối cung - cầu lao động thông qua hoạt động phiên giao dịch việc làm online nhằm hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm; mở rộng chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3.4. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm

a) Thuế tỉnh Tuyên Quang, Chi cục Hải quan khu vực XVI:

- Thực hiện tốt công tác thu ngân sách, chống thất thu, nuôi dưỡng và khai thác nguồn thu. Triển khai đồng bộ các quy định của Luật Quản lý thuế và các cơ chế, chính sách pháp luật về thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ vào ngân sách nhà nước. Tập trung quản lý, khai thác các nguồn thu tiềm năng, mở rộng cơ sở tính thuế, điều chỉnh phạm vi và đối tượng nộp thuế; đẩy mạnh các biện pháp quản lý, chống thất thu và nợ đọng thuế.

- Đẩy mạnh hiện đại hóa công tác quản lý thuế và hải quan; thực hiện khai, nộp, hoàn thuế điện tử, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, bảo đảm minh bạch, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra thuế nhằm chống thất thu, nợ thuế.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Rà soát, tham mưu giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước bảo đảm chặt chẽ, phù hợp với tình hình thực tế; phấn đấu hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2026 theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

- Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, tiết kiệm và hiệu quả; tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu

tiên; nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công. Định hướng các cơ chế thúc đẩy đầu tư, liên kết vùng, thu hút và phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, đồng thời cải thiện vai trò dẫn dắt, định hướng của nguồn vốn ngân sách Nhà nước, đẩy mạnh huy động nguồn xã hội hóa.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Để triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời tổ chức thực hiện Kế hoạch này, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường:

- Tập trung chỉ đạo, khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu tăng trưởng cụ thể, chi tiết theo từng lĩnh vực phụ trách trong năm 2026. Tăng cường làm việc trực tiếp tại cơ sở để hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc triển khai nhiệm vụ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh tại cơ sở; chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết những nội dung vượt thẩm quyền.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, kịp thời và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Kịch bản tăng trưởng; chịu trách nhiệm hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch đề ra. Chủ động phối hợp với Thống kê tỉnh để cung cấp thông tin, xác định rõ dự địa tăng trưởng của từng ngành, lĩnh vực, từ đó có giải pháp quyết liệt, hiệu quả nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

- Định kỳ hằng quý (*trước ngày 15 của tháng cuối quý*), năm (*trước ngày 10/11/2026*), báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ được giao tại Kịch bản tăng trưởng; đồng thời báo cáo rõ những khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề xuất, kiến nghị giải pháp xử lý, gửi Thống kê tỉnh và Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thống kê tỉnh: Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn vị, địa phương rà soát, cung cấp đầy đủ, kịp thời số liệu phục vụ tính toán tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) và cơ cấu kinh tế theo từng quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm 2026 báo cáo Cục Thống kê. Trên cơ sở đó thực hiện phân tích, đánh giá mức đóng góp của từng ngành, lĩnh vực vào tăng trưởng GRDP, tham mưu UBND tỉnh các giải pháp điều hành phù hợp, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP đã đề ra. Định kỳ (*trước ngày 15 của tháng cuối quý và 10/11 của năm*) chủ động rà soát, tính toán số liệu tăng trưởng GRDP trên địa bàn tỉnh cung cấp về Sở Tài chính để tổng hợp chung vào báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

3. Sở Tài chính: Đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương tại kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với Thống kê tỉnh tổng hợp kết quả thực hiện mục tiêu tăng trưởng vào báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo thời gian theo quy định. Kịp thời đề xuất UBND tỉnh giải

quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh. Chủ động tham mưu cập nhật, điều chỉnh kịch bản tăng trưởng bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung Kế hoạch này trong các cấp, các ngành và toàn thể Nhân dân nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong quá trình tổ chức thực hiện.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, thực hiện. Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung các nội dung tại Kế hoạch này, các đơn vị chủ động đề xuất gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: LĐVP, CVNCTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

Ar

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc

Phụ lục 02

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYẾN QUANG NĂM 2026 (THEO GIÁ HIỆN HÀNH)

(Kèm theo Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Giá trị tăng thêm năm 2026 (theo giá hiện hành)							Cơ cấu kinh tế (%)
	Quý I	Quý II	Quý III	9 tháng	Quý IV	6 tháng cuối năm	Cả năm 2026	
GRDP	20.079	25.821	27.163	73.063	33.275	60.438	106.338	100,00
TỔNG SỐ	19.098	24.816	25.890	69.804	32.117	58.007	101.921	95,85
Khu vực I (Nông, Lâm, Thủy)	4.205	6.974	4.919	16.098	10.049	14.968	26.147	24,59
01. Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	3.604	5.355	3.745	12.704	8.420	12.165	21.124	19,86
02. Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	500	1.478	994	2.972	1.500	2.494	4.472	4,21
03. Khai thác, nuôi trồng thủy sản	101	141	180	422	129	309	551	0,52
Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng)	5.256	6.986	9.585	21.827	9.219	18.804	31.046	29,20
Trong đó: Công nghiệp	3.705	5.181	7.270	16.156	6.462	13.732	22.618	21,27
B. Khai khoáng	283	275	300	858	417	717	1.275	1,20
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.065	2.062	2.152	6.279	2.531	4.683	8.810	8,59
D. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước	1.319	2.802	4.763	8.884	3.454	8.217	12.338	11,60
E. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	38	42	55	135	60	115	195	0,18
F. Xây dựng	1.551	1.805	2.315	5.671	2.757	5.072	8.428	7,93
Khu vực III (Dịch vụ)	9.637	10.856	11.386	31.879	12.849	24.235	44.728	42,06
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	981	1.005	1.273	3.259	1.158	2.431	4.417	4,15